

Số: 73 /CSĐP - KTTV

Ngày 19 tháng 01 năm 2021

V/v giải trình báo cáo kết quả kinh doanh
tổng hợp quý 4 năm 2020

Kính gửi:

- Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP QUÝ 4 NĂM 2020

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	TM	QUÝ 4 NĂM 2020	QUÝ 4 NĂM 2019	CHÊNH LỆCH	%
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2	VI.25	338.923.166.039	280.815.809.153	58.107.356.886	120,69
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	10		-	-	-	
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 10 - 01)	11		338.923.166.039	280.815.809.153	58.107.356.886	120,69
4	Giá vốn hàng bán	20	VI.27	274.227.107.646	188.094.702.424	86.132.405.222	145,79
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	21		64.696.058.393	92.721.106.729	(28.025.048.336)	69,77
6	Doanh thu hoạt động tài chính	22	VI.26	21.634.290.859	20.153.785.687	1.480.505.172	107,35
7	Chi phí tài chính	23	VI.28	(165.730.147)	(6.804.890.348)	6.639.160.201	2,44
8	Trong đó: Chi phí lãi vay	25		-	785.360.227	(785.360.227)	-
9	Chi phí bán hàng	26		2.171.884.481	2.305.234.300	(133.349.819)	94,22
10	Chi phí quản lý doanh nghiệp	30		19.514.798.408	16.650.786.440	2.864.011.968	117,20
11	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25) }	31		64.809.396.510	100.723.762.024	(35.914.365.514)	64,34
12	Thu nhập khác	32		6.164.401.162	5.218.926.027	945.475.135	118,12
13	Chi phí khác	40		6.924.666.764	3.751.925.969	3.172.740.795	184,56
14	Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	50		(760.265.602)	1.467.000.058	(2.227.265.660)	(51,82)
15	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (=30+40)	51		64.049.130.908	102.190.762.082	(38.141.631.174)	62,68
16	Chi phí thuế TNDN hiện hành	52	VI.30	23.340.154.265	17.602.707.785	5.737.446.480	132,59
17	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	60	VI.30	-	-	-	
18	Lợi nhuận sau thuế TNDN (=50-51-52)	70		40.708.976.643	84.588.054.297	(43.879.077.654)	48,13
19	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	71		1.015	2.108		
20	Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)						

Giải Trình:

Trong quý 4 năm 2019: Sản lượng tiêu thụ là: 5.831,62 tấn; Giá bán bình quân: 33.497.824 VND/tấn.

Trong quý 4 năm 2020: Sản lượng tiêu thụ là: 6.530,68 tấn; Giá bán bình quân: 39.584.859 VND/tấn.

Do:

+ Sản lượng tiêu thụ quý 4 năm 2020 cao hơn quý 4 năm 2019. Và giá bán bình quân cao hơn quý 4 năm 2019.

(giá bán bình quân quý 4 năm 2020 tăng : 6.087.035VND/tấn hay tăng: 18,17 % so với quý 4 năm 2019).

+ Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh quý 4 năm 2020 giảm: 35.914.365.514VND hay giảm 35,66% so với quý 4 năm 2019. (chủ yếu do cây cao su thanh lý giảm).

+ Lợi nhuận khác quý 4 năm 2020 giảm : 2.227.265.660 VND so với quý 4 năm 2019.

Do đó, lợi nhuận sau thuế quý 4 năm 2020 giảm: 43.879.077.654 VND hay giảm : 51,87% so với quý 4 năm 2019.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: VT, N.Vu (b)



Hồ Cường